

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂN AN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 06-01-2021
V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN AN
TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Liên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tĩnh.
2. Ông Nguyễn Mạnh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Cẩm Nhung – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chăm – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 243/2020/TLST – HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2020/QĐXX-ST ngày 24 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Châu A; sinh năm: 1974;

Địa chỉ: Số 104 đường C, phường M, thành phố T, tỉnh Long An. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Đức H; sinh năm: 1969;

Địa chỉ: Số 27 đường N, phường S, thành phố T, tỉnh Long An. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ghi ngày 27 tháng 8 năm 2020 và các bảng tự khai nội dung sự việc tại Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị Châu A trình bày: Bà và ông Nguyễn Đức H chung sống với nhau vào năm 2000, đến năm 2001 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 1, thị xã Tân An (nay là thành phố Tân An), tỉnh Long An. Sau khi chung sống, vợ chồng bà đảm bảo hạnh phúc đến tháng 01 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm nhau trong cuộc sống nên vợ chồng thường cãi vã nhau, bà và ông H đã không còn quan hệ tình cảm với nhau và đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2020 cho đến nay, mạnh ai nấy sống. Vợ chồng đã cố gắng hàn gắn nhưng vẫn không có kết quả. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa, không thể kéo dài tình trạng hôn nhân hiện tại nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Đức H.

Về con chung: Có một con chung tên Nguyễn Thị Hồng H1, sinh ngày 19/10/2002, đã thành niên.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn: Ông Nguyễn Đức H vắng mặt tại phiên tòa, không có bảng tự khai nội dung sự việc. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có tiến hành thủ tục niêm yết thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông H biết, Tòa án có thụ lý vụ án ly hôn theo đơn khởi kiện của bà A theo quy định pháp luật, nhưng ông H không có ý kiến bằng văn bản gửi đến Tòa án về việc bà A xin ly hôn.

* Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án cho rằng:

Về tố tụng: Thẩm phán tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử Thẩm phán chấp hành đúng theo quy định Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đều tuân theo quy định pháp luật tố tụng. Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định pháp luật và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn vắng mặt không có lý do nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử là phù hợp theo Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, các chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày tại phiên tòa có đủ căn cứ để xác định tình trạng hôn nhân giữa bà Phạm Thị Châu A và ông Nguyễn Đức H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận theo yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị Châu A đối với ông Nguyễn Đức H. Về con chung: Có một con chung tên Nguyễn Thị Hồng H1, sinh ngày 19/10/2002, đã thành niên nên không đề cập. Tài sản chung và nợ chung: Bà A xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Vào ngày 19/10/2020 Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An có thụ lý đơn khởi kiện của bà Phạm Thị Châu A yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Đức H làm phát sinh vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An theo quy định tại các điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn là bà Phạm Thị Châu A có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Ông Nguyễn Đức H là bị đơn trong vụ án, sau khi Tòa án thụ lý vụ án có triệu tập ông H hợp lệ nhiều lần đến Tòa án tham gia tố tụng để Tòa án giải quyết vụ án nhưng ông H vẫn vắng mặt, căn cứ vào giấy yêu cầu xác minh của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An được Công an phường 6, thành phố Tân An, tỉnh Long An xác nhận thì hiện nay ông Nguyễn Đức H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: số 27 đường N, phường S, thành phố T, tỉnh Long An. Như vậy, ông H có đăng ký hộ khẩu ở địa phương là phường S, thành phố Tân An, tỉnh Long An, nhưng ông H cố tình không đến Tòa án để giải quyết vụ án nên Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An cũng đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng tại nơi cư trú của ông H theo quy định của pháp luật. Do đó, việc Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An đưa vụ án ra xét xử vắng mặt đối với ông Nguyễn Đức H là phù hợp với các điều 227, điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Giữa bà Phạm Thị Châu A và ông Nguyễn Đức H có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ khi có tranh chấp, bà A cho là vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm nhau trong cuộc sống nên vợ chồng thường cãi vã nhau, vợ chồng đã cố gắng hàn gắn nhưng vẫn không đạt được kết quả. Bà A và ông H đã không còn quan hệ tình cảm với nhau và sống ly thân từ tháng 6 năm 2020 cho đến nay, mạnh ai nấy sống, nên bà A có yêu cầu ly hôn với ông H. Trong thời gian thu thập chứng cứ Tòa án có tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân của bà A và ông H tại Ủy ban nhân dân phường S, thành phố T, tỉnh Long An nhưng Ủy ban nhân dân phường S không nắm rõ nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp nên không cung cấp được cho Tòa án. Về phía ông H từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay ông H cố tình không đến tham gia tố tụng để giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo cho ông H đến Tòa án tham gia hòa giải theo quy định Điều 54 Luật Hôn nhân và gia đình, nhằm tạo điều kiện cho vợ chồng đoàn tụ, nhưng ông H không đến Tòa án. Như vậy phía ông H không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà A tức là không còn thiết tha về quan hệ tình cảm với bà A nữa. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ tình cảm giữa bà A và ông H không còn, tình trạng vợ chồng giữa hai người đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được quan hệ hôn nhân không thể tiếp tục kéo dài được nữa, xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà A là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà A và ông H có một con chung tên Nguyễn Thị Hồng H1, sinh ngày 19/10/2002, đã thành niên, nên không đề cập đến.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phạm Thị Châu A xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên bản án không đề cập đến.

[5] Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát tại phiên tòa về thủ tục tố tụng và nội dung vụ án là có căn cứ.

[6] Về án phí: Bà Phạm Thị Châu A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân – gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228; Các điều 147, 266, 267, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân – gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị Châu A, cho bà Phạm Thị Châu A được ly hôn với ông Nguyễn Đức H.

2. Về con chung: Bà Phạm Thị Châu A xác định có một con chung tên Nguyễn Thị Hồng H1, sinh ngày 19/10/2002, đã thành niên nên không đề cập đến.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phạm Thị Châu A xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập đến.

4. Về án phí: Bà Phạm Thị Châu A phải có nghĩa vụ chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân – gia đình. Do vậy chuyển tạm ứng án phí bà Phạm Thị Châu A đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004820 ngày 12/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân An, tỉnh Long An thành án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân – gia đình.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Tĩnh Nguyễn Mạnh Tuấn

Nguyễn Thị Hồng Liên

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh LA;
- VKSND TPTA;
- Các đương sự;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- CCTHA;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hồng Liên

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh LA;
- VKSND TPTA;
- Các đương sự;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- CCTHA;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hồng Liên

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh LA;
- VKSND TPTA;
- Các đương sự;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- CCTHA;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Hồng Liên

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh LA;
- Các đương sự;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- CCTHA;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hồng Liên

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Sở Nguyễn Văn Sôi

Nguyễn Thị Hồng Liên

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND TPTA;
- Dương sự;
- THA, AV, Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

NGUYỄN THỊ HỒNG LIÊN

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂN AN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN
Phiên tòa, ngày 25 tháng 02 năm 2016
THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Liên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Sở.

2. Ông Nguyễn Văn Sồi.

Xét xử vụ án: Ly hôn giữa: Bà Trương Thị Hồng Đào và ông Trần Tha Nhựt.

Sau khi A luận Hội đồng xét xử biểu quyết 3/3 nhất trí:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 27; Điểm a khoản 1 Điều 33; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 199; Điều 202; Các điều 131, 238, 239, 243, 245 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân – gia đình năm 2014.

Áp dụng Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trương Thị Hồng Đào, cho bà Trương Thị Hồng Đào được ly hôn với ông Trần ThA Nhựt.

- Về con chung: Giao con chung chưa thành niên tên Trần Yên Xuân, sinh ngày 29/12/2007 cho bà Trương Thị Hồng Đào được trực tiếp nuôi dưỡng, ông Trần ThA Nhựt pH có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Trần Yên Xuân mỗi tháng là 575.000đ (năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng), thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Trần Yên Xuân thành niên đủ mười tám tuổi.

Ông Trần ThA Nhựt không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên sau khi ly hôn mà không ai được cản trở. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung, bà Trương Thị Hồng Đào và ông Trần ThA Nhựt được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trương Thị Hồng Đào xác định chưa yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập đến.

Về án phí: Bà Trương Thị Hồng Đào pH có nghĩa vụ chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân – gia đình. Do vậy chuyển tạm ứng án phí bà Trương Thị Hồng Đào đã nộp là 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) theo biên lai A tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001812 ngày 18/11/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân An, tỉnh Long An thành án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân – gia đình.

Ông Trần ThA Nhựt pH có nghĩa vụ chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

Án xét xử sơ thẩm công khai có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa Aận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Sở Nguyễn Văn Sôi

Nguyễn Thị Hồng Liên

